

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18 /2025/KDTM-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

2. Bà Trần Thị Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Trường G - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 80/2024/TLST- KDTM ngày 04/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX-KDTM ngày 21/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-KDTM ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đ - Bê tông

Trụ sở: 169 T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T - Chức vụ: HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức K, chức vụ: Nhân viên (có mặt)

Địa chỉ: 442/1/99 B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần K2.

Trụ sở: Số B khu phố C, phường D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Đức K trình bày:

Ngày 28/3/2022, Công ty cổ phần Đ – bê tông (gọi tắt là công ty D) và Công ty Cổ phần K2 (gọi tắt là công ty K2) có ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế

số: 27/2022/BT-HĐKT về việc mua bán bê tông thương phẩm. Hai bên thỏa thuận:

- Các bên mua bán bê tông cho công trình: Các nhà dân trên địa bàn phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Khối lượng bê tông mua bán theo khối lượng thực tế đổ tại công trình.

- Đơn giá:

Bê tông mác 150/28, độ sụt 10 ± 2 cm, 994.000 đồng/m³

Bê tông mác 200/28, độ sụt 10 ± 2 cm, 1.057.000 đồng/m³

Bê tông mác 250/28, độ sụt 10 ± 2 cm, 1.135.000 đồng/m³

Bê tông mác 300/28, độ sụt 10 ± 2 cm, 1.211.000 đồng/m³

Nếu dùng thêm phụ gia R7, chống thấm: 65.000đ/m³

Nếu tăng thêm 2cm độ sụt: 25.000 đ/m³

- Thanh toán: dứt điểm 100% trước mỗi đợt đổ bê tông. Phí chuyển khoản bên mua chịu. Sau mỗi đợt đổ bê tông, hai bên đối chiếu khối lượng đã đổ thực tế và Bên B (Bên bán) xuất hóa đơn VAT cho bên mua.

Sau khi ký hợp đồng, công ty D đã tiến hành bán bê tông thương phẩm cho công ty K2 Tín theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty D và công ty K2 T1 còn ký với nhau các phụ lục hợp đồng: Phụ lục hợp đồng kinh tế: số 01-27/2022/BT-PLHĐKT ngày 01/5/2022, số 02-27/2022/BT-PLHĐKT ngày 22/6/2022, số 03-27/2022/BT-PLHĐKT ngày 19/7/2022.

Ngày 22/03/2022, công ty K2 đã đặt cọc trước (BC03/22-164) là: 33.075.000 đồng. Từ ngày 31/03/2022 đến ngày 28/06/2022, Công ty D đã xuất 04 hoá đơn VAT cho Công ty D với tổng giá trị hàng đã nhận là: 315.849.240 đồng. Từ ngày 22/03/2022 đến ngày 26/09/2022, công ty K2 đã thanh toán số tiền là: 266.252.440.000 đồng. Theo hóa đơn số 00000660 ngày 28/6/2022, công ty K2 còn nợ công ty D 79.596.000 đồng. Ngày 26/9/2022, công ty K2 đã thanh toán được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 49.596.800 đồng.

Công ty D đã nhiều lần yêu cầu công ty K2 Tín phải thanh toán nợ, nhưng công ty K2 không thanh toán.

Nay công ty D khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc công ty K2 phải thanh toán số tiền còn nợ là: 49.596.800 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng)

- Tiền lãi do chậm thanh toán: theo mức lãi suất 1.25%/tháng tính từ ngày 31/12/2022 tạm tính đến ngày 31/7/2024 là: 11.779.240 đồng (Mười một triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi đồng)

Tổng cộng gốc và lãi là: 61.376.040 đồng (Sáu mươi một triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi đồng)

Quá trình giải quyết vụ án Công ty K2 Tín không cử người đại diện hợp pháp đến toà án làm việc, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện phiên tòa sơ thẩm đúng quy định từ Điều 222 đến Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký tòa án đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 234, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 Bộ luật Dân sự; Điều 74, 76, 85, 86, 87, 306 Luật Thương mại; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó:

- Buộc Công ty K2 phải thanh toán cho Công ty D số tiền nợ gốc là 49.596.800 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng); Công ty K2 còn phải thanh toán cho Công ty D tiền lãi do chậm thanh toán đối với số nợ gốc 49.596.800 đồng, tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 23/9/2025 theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng;

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty D khởi kiện Công ty K2 yêu cầu thanh toán tiền nợ của hợp đồng mua bán hàng hóa là tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tại Điều VI của Hợp đồng kinh tế số: 27/2022/BT-HĐKT ngày 28/3/2022, công ty D và Công ty

Tâm Tài Tín thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Phú MK2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết khi có tranh chấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú MK2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn Công ty K2 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc 49.596.800 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng)

Hợp đồng kinh tế số 27/2022/BT-HĐKT ngày 28/3/2022, các Phụ lục hợp đồng số 01-27/2022/BT-HĐKT ngày 01/5/2022, số 02-27/2022/BT-HĐKT ngày 22/6/2022, số 03-27/2022/BT-HĐKT ngày 19/7/2022 được ký giữa Công ty D và Công ty K2 là hoàn toàn tự nguyện, bởi những người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 3, Điều 24 Luật Thương mại 2005 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ Bảng xác nhận khối lượng các ngày 23/3/2022, 03/4/2022, 07/4/2022, 12/4/2022, 20/4/2022, 17/5/2022, 04/5/2022, 28/4/2022, 17/6/2022, các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002997 ngày 31/3/2022, số 0003477 ngày 29/4/2022, số 00000352 ngày 30/5/2022, số 00000660 ngày 28/6/2022 giữa Công ty D và Công ty K2, thể hiện tổng giá trị hàng hóa công ty K2 đã mua của Công ty D là 315.849.240 đồng. Tính đến ngày 26/9/2022, công ty K2 đã thanh toán được 266.252.440 đồng, còn nợ lại là 49.596.800 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng). Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và thông báo hòa giải cho Công ty K2. Nhưng Công ty K2 Tín không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không xuất trình tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền lợi ích cho mình và cũng không tham gia phiên hòa giải, phiên làm việc tại tòa. Do công ty K2 đã tự từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết.

Theo Khoản 4.1 Điều IV Hợp đồng kinh tế số 27/2022/BT-HĐKT ngày 28/3/2022, bên mua Công ty K2 Tín phải thanh toán dứt điểm 100% trước mỗi đợt bê tông, tuy nhiên theo Công ty D do tin tưởng khách hàng nên công ty D đã cho công ty K2 Tín nợ lại tiền hàng. Đến nay công ty K2 Tín vẫn chưa thanh toán hết nợ cho công ty D, nên căn cứ Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005

có cơ sở buộc Công ty K2 phải thanh toán cho công ty D số tiền còn nợ là 49.596.800 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm trả

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử (ngày 23/9/2025) tính tròn 32 tháng, theo mức lãi suất chậm trả 150%/năm trên số tiền chưa thanh toán 49.596.800 đồng. Theo thỏa thuận tại Khoản 4.1 Điều IV Hợp đồng kinh tế số 27/2022/BT-HĐKT ngày 28/3/2022, bên mua phải thanh toán dứt điểm 100% trước mỗi đợt đổ bê tông, tuy nhiên do tin tưởng nên công ty D đã để công ty K2 Tín nợ tiền hàng. Ngày 17/6/2022 là ngày cuối cùng công ty D đổ bê tông cho công ty K2 Tín nên sau ngày 17/6/2022 công ty K2 vẫn chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty D yêu cầu công ty K2 Tín thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử (ngày 23/9/2025) tính tròn 32 tháng, theo mức lãi suất chậm trả 150%/năm trên số tiền chưa thanh toán 49.596.800 đồng là phù hợp với mốc thời gian tính lãi. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho chậm trả nợ gốc là: 49.596.800 đồng x 150% x 32 tháng = 19.839.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi công ty K2 Tín phải thanh toán do công ty D là: 69.435.000 đồng (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ phải thi hành 69.435.800 đồng là: 3.472.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 35, Khoản 2, 3 Điều 92, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Điều 24, Khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ bê tông đối với Công ty cổ phần K2.

Buộc Công ty cổ phần K2 phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đ bê tông số tiền gốc: 49.596.800 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu

ngàn, tám trăm đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử 23/9/2025 là: 19.839.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty cổ phần K2 phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đ bê tông là: 69.435.800 đồng (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần K2 nộp án phí là 3.472.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Công ty cổ phần Đ bê tông được hoàn lại 1.534.000đ (Một triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004041 ngày 01/11/2024 của Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

[3] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án (bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp.HCM;
- VKSND tp.HCM;
- VKSND kv.12;
- Phòng THADS kv.12;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thảo Nguyên